TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2018
V/v Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Hoàng Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 2 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Ngọc C (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp QT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được tám năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông D không chung T, vợ chồng cự, xô xát nhau, bà T xét thấy chung sống với ông D không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có hai con chung tên Lê Ngọc C, sinh năm 1989 và Lê Tấn D1, sinh năm 1994, hiện tại đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ con ruột là Lê Ngọc C số tiền 20.000.000 đồng, số nợ này để bà T, ông D và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 12-3-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông bổ sung ý kiến: Ông với bà T chung sống với nhau năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống ông có trêu người phụ nữ khác nhưng không có dẫn về nhà sống công khai. Giữa ông và bà T có cự cãi, ông có đánh bà T vài bạt tay, do còn tình cảm vợ chồng nên ông không thống nhất ly hôn với bà T. Về con chung: Đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Ông D, bà T và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Ngọc C trình bày:

Chị có hỏi dùm cho cha mẹ của chị là ông D, bà T số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), số nợ này để chị và ông D, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà T và ông D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành ông D và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung: Bà T và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Bà T, ông D và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà T phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bà T đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ chuyển thu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Đỗ Thị T với ông Lê Văn D là vợ chồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 21-02-2018 bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005277 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn